



**Tổng Công ty Cổ phần
Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thông tin về Tổng Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0300583659

ngày 29 tháng 2 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300583659 ngày 18 tháng 5 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Pramoad Phornprapha	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên
Bà Trần Kim Nga	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Lương Thanh Hải	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Neo Gim Siong Bennett	Tổng Giám đốc
Ông Teo Hong Keng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ng Kuan Ngee Melvyn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lâm Du An	Phó Tổng Giám đốc
	Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh
Ông Hoàng Đạo Hiệp	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 28 tháng 2 năm 2021)

Ban Kiểm toán

Ông Pramoad Phornprapha	Trưởng ban Kiểm toán
Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên

**Người đại diện theo
pháp luật**

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Neo Gim Siong Bennett	Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh
Phường 12, Quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 60 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Neo Gim Siong Bennett
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00362-21-3



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0414-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		16.086.281.272.781	15.490.812.966.630
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	987.216.978.696	2.341.350.753.751
Tiền	111		42.216.978.696	56.350.753.751
Các khoản tương đương tiền	112		945.000.000.000	2.285.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.901.000.000.000	11.783.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	13.901.000.000.000	11.783.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		662.414.849.228	775.262.434.498
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	161.895.468.488	278.521.975.504
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.110.874.165	7.963.987.250
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	820.264.016.705	816.888.466.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10(a)	(323.855.510.130)	(328.111.994.256)
Hàng tồn kho	140	11(a)	382.893.733.879	513.934.797.433
Hàng tồn kho	141		406.785.122.406	548.140.994.422
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(23.891.388.527)	(34.206.196.989)
Tài sản ngắn hạn khác	150		152.755.710.978	77.264.980.948
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12(a)	102.509.162.957	66.757.215.606
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20.163.103.537	10.507.552.618
Thuế phải thu Nhà nước	153	19(b)	30.083.444.484	212.724

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		5.716.098.338.293	5.848.217.722.487
Các khoản phải thu dài hạn	210		318.486.459.874	322.008.298.914
Phải thu về cho vay dài hạn	215		4.000.000.000	4.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	347.355.339.779	350.942.609.719
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10(b)	(32.868.879.905)	(32.934.310.805)
Tài sản cố định	220		1.513.885.418.173	1.413.215.018.102
Tài sản cố định hữu hình	221	13	649.409.598.012	544.185.439.401
Nguyên giá	222		3.656.722.327.756	3.412.801.031.561
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.007.312.729.744)	(2.868.615.592.160)
Tài sản cố định vô hình	227	14	864.475.820.161	869.029.578.701
Nguyên giá	228		993.804.280.624	992.771.603.824
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(129.328.460.463)	(123.742.025.123)
Bất động sản đầu tư	230	15	3.178.271.188	3.569.605.132
Nguyên giá	231		7.859.289.977	7.859.289.977
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(4.681.018.789)	(4.289.684.845)
Tài sản dở dang dài hạn	240		11.252.785.047	183.331.947.357
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	11.252.785.047	183.331.947.357
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	3.664.793.195.280	3.693.422.463.811
Đầu tư vào các công ty con	251		2.837.212.995.029	2.837.212.995.029
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	252		613.705.350.635	613.705.350.635
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		785.951.682.407	785.951.682.407
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(592.945.712.696)	(564.316.444.165)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		20.868.879.905	20.868.879.905
Tài sản dài hạn khác	260		204.502.208.731	232.670.389.171
Chi phí trả trước dài hạn	261	12(b)	84.484.017.998	81.391.056.573
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	105.289.221.725	132.105.079.939
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	11(b)	14.728.969.008	19.174.252.659
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		21.802.379.611.074	21.339.030.689.117

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		4.172.196.758.994	4.795.124.628.954
Nợ ngắn hạn	310		3.962.482.641.588	4.566.917.970.942
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	2.474.870.892.087	3.022.301.483.709
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.253.764.935	6.613.217.926
Thuế phải nộp Nhà nước	313	19(a)	421.408.012.727	216.566.818.802
Phải trả người lao động	314		115.924.548.319	162.718.850.131
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	63.578.188.110	179.411.708.217
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	821.620.731.968	879.882.770.247
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	55.826.503.442	99.423.121.910
Nợ dài hạn	330		209.714.117.406	228.206.658.012
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	51.602.316.000	51.602.316.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	82.323.187.723	92.606.211.882
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		75.788.613.683	83.998.130.130
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		17.630.182.852.080	16.543.906.060.163
Vốn chủ sở hữu	410	24	17.630.182.852.080	16.543.906.060.163
Vốn cổ phần	411	25	6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	760.819.802.040	760.819.802.040
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.456.551.190.040	9.370.274.398.123
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.904.397.297.061	4.958.755.506.355
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		4.552.153.892.979	4.411.518.891.768
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		21.802.379.611.074	21.339.030.689.117

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập:

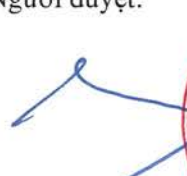


Nguyễn Văn Hòa
Kế toán



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Teo Hong Keng
Phó Tổng Giám đốc



Ngo Gim Siong Bennett
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	31.286.456.971.695	39.830.365.078.035
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	3.562.953.416	1.829.235.021
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	31.282.894.018.279	39.828.535.843.014
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	26.512.305.697.464	35.043.871.013.642
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		4.770.588.320.815	4.784.664.829.372
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	3.197.236.331.395	2.970.222.411.575
Chi phí tài chính	22	32	42.934.716.459	42.138.560.703
Chi phí bán hàng	25	33	2.388.495.253.345	1.875.597.765.722
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	331.851.812.074	594.830.088.986
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		5.204.542.870.332	5.242.320.825.536
Thu nhập khác	31		4.026.980.652	6.594.368.183
Chi phí khác	32		2.927.815.469	14.221.150.890
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.099.165.183	(7.626.782.707)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.205.642.035.515	5.234.694.042.829
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	577.119.284.322	717.303.217.858
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	36	26.815.858.214	(30.810.575.160)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.601.706.892.979	4.548.201.400.131

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Teo Hong Keng
Phó Tổng Giám đốc



Neo Gum Siang Bennett
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	5.205.642.035.515	5.234.694.042.829
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	140.048.843.191	238.030.970.711
Các khoản dự phòng	03	34.824.599.252	342.159.024.324
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.678.826.072	1.032.184.727
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.156.225.268.657)	(2.941.727.163.726)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	2.226.969.035.373	2.874.189.058.865
Biến động các khoản phải thu	09	80.807.959.322	573.258.580.818
Biến động hàng tồn kho	10	130.389.623.820	(71.297.614.236)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(561.690.538.465)	436.508.498.783
Biến động chi phí trả trước	12	(38.844.908.776)	(15.962.603.599)
		1.837.631.171.274	3.796.695.920.631
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(516.357.059.917)	(774.647.952.285)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(82.728.146.778)	(72.591.247.041)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.238.545.964.579	2.949.456.721.305

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(97.863.350.542)	(71.847.744.928)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	552.000.000	1.958.000.000
Tiền chi gửi tiền có kỳ hạn	23	(15.191.000.000.000)	(13.543.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	13.073.000.000.000	8.903.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(85.825.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	3.150.927.127.004	2.609.906.587.086
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	935.615.776.462	(2.185.808.157.842)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi trả cổ tức	36	(3.527.033.597.675)	(962.141.892.775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.527.033.597.675)	(962.141.892.775)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(1.352.871.856.634)	(198.493.329.312)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	2.341.350.753.751	2.540.016.444.290
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(1.261.918.421)	(172.361.227)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	987.216.978.696	2.341.350.753.751

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Teo Hong Keng
Phó Tổng Giám đốc



Neo Gim Siang Bennett
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị bao gồm Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước Giải khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4106000268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4103010027 vào ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “SAB” theo Quyết định Niêm yết số 470/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 11 năm 2016.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm vật liệu và bao bì.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Cấu trúc của Tổng Công ty bao gồm Văn phòng Tổng Công ty, Nhà máy bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh và Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi, là hai nhà máy hoạt động và hạch toán độc lập, chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Hoạt động chính	Địa chỉ
Nhà máy bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Số 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Khu C1, Đường D3, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có 25 công ty con sở hữu trực tiếp và 13 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát đầu tư trực tiếp (1/1/2020: 25 công ty con sở hữu trực tiếp và 13 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát đầu tư trực tiếp), như được trình bày ở Thuyết minh 7(b).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngoài ra, Tổng Công ty đầu tư gián tiếp vào 1 công ty con và 5 công ty liên kết (1/1/2020: 1 công ty con và 5 công ty liên kết), chi tiết như sau:

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	31/12/2020		1/1/2020	
				% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty con sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây							
1	Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	Lô S, Khu Công Nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng và nước tinh khiết đóng chai	51%	100%	51%	100%
Các công ty liên kết							
1	Công ty Cổ phần Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ Thành Nam	50A Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn xây dựng và thiết kế	28,57%	28,57%	28,57%	28,57%
2	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp	3E/5, Đường Phở Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, lắp đặt các sản phẩm máy móc cầu đường và xây dựng công nghiệp	26%	26%	26%	26%
3	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Lô B5, Khu Công Nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	10,2%	20%	10,2%	20%
4	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	Số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, gia công và kinh doanh thực phẩm, nước giải khát, bia và nước uống có cồn	21,8%	22,18%	21,8%	22,18%
5	Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	Lô 22, KCN Trà Nóc 1, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát, sữa đậu nành và nước ép trái cây	27,62%	34,92%	27,62%	34,92%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có 774 nhân viên (1/1/2020: 790 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản phải thu về cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban điều hành Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban điều hành Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 3 – 8 năm |
| ▪ thiết bị quản lý | 3 – 6 năm |

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai (2003) mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất là từ 40 đến 49 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 20 năm

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Doanh thu cho thuê*

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong các báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Ảnh hưởng của Vi rút Corona 2019 và nghị định mới

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Nghị định 100/2019/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 cũng ảnh hưởng đến ngành sản xuất và kinh doanh bia rượu. Ban điều hành Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Mặc dù Việt Nam đã cho phép tất cả các lĩnh vực kinh doanh được mở cửa hoạt động trở lại, nhưng hoạt động du lịch quốc tế vẫn tạm thời bị đóng cửa. Ban điều hành Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

5. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Bộ phận kinh doanh của Tổng Công ty được chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bán bia, bao gồm hàng hóa và thành phẩm
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động khác.

Trong năm, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Tổng Công ty và tài sản và nợ phải trả của Tổng Công ty tại ngày báo cáo chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh bia. Theo đó, thông tin tài chính được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh bia của Tổng Công ty. Thuyết minh 29 và Thuyết minh 30 trình bày chi tiết doanh thu và giá vốn của từng loại sản phẩm, vì vậy đã cung cấp đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động của mỗi bộ phận kinh doanh như được phân loại ở trên.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tổng Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Tổng Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	38.196.945	130.092.303
Tiền gửi ngân hàng	42.178.781.751	56.220.661.448
Các khoản tương đương tiền (*)	945.000.000.000	2.285.000.000.000
	987.216.978.696	2.341.350.753.751

- (*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng. Các khoản tương đương tiền được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 3,8% đến 4,8% một năm (1/1/2020: 5,0% một năm).

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,2% đến 7,3% một năm (1/1/2020: 6,6% đến 7,8% một năm).

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản đầu tư của Tổng Công ty vào trái phiếu của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam. Khoản đầu tư này đã được lập dự phòng toàn bộ.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	31/12/2020			1/1/2020		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào các công ty con (i)	2.837.212.995.029	(148.863.029.844)	2.688.349.965.185	2.837.212.995.029	(119.748.247.313)	2.717.464.747.716
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (ii)	613.705.350.635	(108.857.170.530)	504.848.180.105	613.705.350.635	(108.857.170.530)	504.848.180.105
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (iii)	785.951.682.407	(335.225.512.322)	450.726.170.085	785.951.682.407	(335.711.026.322)	450.240.656.085
	<u>4.236.870.028.071</u>	<u>(592.945.712.696)</u>	<u>3.643.924.315.375</u>	<u>4.236.870.028.071</u>	<u>(564.316.444.165)</u>	<u>3.672.553.583.906</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty	31/12/2020				1/1/2020			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	51%	100.424.933.209	333.477.525.000	-	51%	100.424.933.209	367.243.095.000	-
▪ Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	62,06%	236.167.400.000	125.223.700.000	(110.943.700.000)	62,06%	236.167.400.000	144.691.250.000	(91.476.150.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	66,56%	299.548.230.160	573.093.250.000	-	66,56%	299.548.230.160	830.393.700.000	-
▪ Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	91,75%	208.414.271.535	(*)	-	91,75%	208.414.271.535	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	51,24%	17.650.697.182	41.500.350.000	-	51,24%	17.650.697.182	54.565.275.000	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	54,73%	76.324.868.844	46.188.639.000	(30.136.229.844)	54,73%	76.324.868.844	52.148.278.000	(24.176.590.844)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	68,78%	314.250.000.000	306.466.900.000	(7.783.100.000)	68,78%	314.250.000.000	416.927.450.000	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	52,11%	93.800.000.000	219.276.260.000	-	52,11%	93.800.000.000	225.120.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	100%	700.000.000.000	(*)	-	100%	700.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	90%	37.422.345.046	(*)	-	94,72%	37.422.345.046	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	95,07%	37.369.732.632	(*)	-	95,07%	37.369.732.632	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	94,45%	83.141.000.000	(*)	-	94,42%	83.141.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	91,24%	54.546.288.176	(*)	-	91,24%	54.546.288.176	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	90%	36.541.448.653	(*)	-	90%	36.541.448.653	(*)	-



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty	31/12/2020				1/1/2020			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	90,14%	55.799.775.209	(*)	-	90,14%	55.799.775.209	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	90,68%	36.362.195.948	(*)	-	90,68%	36.362.195.948	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	90%	36.265.364.767	(*)	-	90%	36.265.364.767	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	90%	36.798.955.472	(*)	-	90%	36.798.955.472	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	100%	59.365.663.690	(*)	-	100%	59.365.663.690	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	90,45%	36.000.000.000	(*)	-	90,45%	36.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	100%	120.000.000.000	(*)	-	100%	120.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	76,81%	55.174.824.506	(*)	-	76,81%	55.174.824.506	(*)	(4.095.506.469)
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn	100%	10.000.000	(*)	-	100%	10.000.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn	100%	10.000.000	(*)	-	100%	10.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	52,91%	105.825.000.000	(*)	-	52,91%	105.825.000.000	(*)	-
		2.837.212.995.029		(148.863.029.844)		2.837.212.995.029		(119.748.247.313)

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Tên công ty	31/12/2020				1/1/2020			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Trường Sa	28,35%	4.725.000.000	(*)	(4.725.000.000)	28,35%	4.725.000.000	(*)	(4.725.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	26%	26.000.000.000	(*)	-	26%	26.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	27,03%	33.787.500.000	61.587.855.000	-	27,03%	33.787.500.000	82.867.222.500	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	32,22%	103.174.711.495	402.967.509.700	-	32,22%	103.174.711.495	378.924.102.200	-
▪ Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	29%	72.500.000.000	(*)	(72.500.000.000)	29%	72.500.000.000	(*)	(72.500.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	20%	30.000.000.000	(*)	-	20%	30.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	20%	23.000.000.000	(*)	-	20%	23.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	25%	43.111.007.200	(*)	-	25%	43.111.007.200	(*)	-
▪ Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	30%	113.224.326.586	(*)	-	30%	113.224.326.586	(*)	-
▪ Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	30%	86.338.395.824	(*)	-	30%	86.338.395.824	(*)	-
▪ Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	35%	26.212.239.000	(*)	-	35%	26.212.239.000	(*)	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào các công ty liên liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (tiếp theo)

Tên công ty	31/12/2020				1/1/2020			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	45%	31.632.170.530	(*)	(31.632.170.530)	45%	31.632.170.530	(*)	(31.632.170.530)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	20%	20.000.000.000	(*)	-	20%	20.000.000.000	(*)	-
		<u>613.705.350.635</u>		<u>(108.857.170.530)</u>		<u>613.705.350.635</u>		<u>(108.857.170.530)</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Tên công ty	31/12/2020			1/1/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	216.579.320.000	375.218.868.800	-	216.579.320.000	234.115.429.133	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	46.000.000.000	(*)	-	46.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần PVI	51.475.140.000	15.439.345.200	(36.035.794.800)	51.475.140.000	14.953.831.200	(36.521.308.800)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Không Gian Ngầm	23.085.000.000	(*)	(23.085.000.000)	23.085.000.000	(*)	(23.085.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	30.700.950.000	5.145.000.000	(30.700.950.000)	30.700.950.000	7.056.000.000	(30.700.950.000)
▪ Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)
▪ Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	26.588.267.394	(*)	-	26.588.267.394	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	19.690.000.000	(*)	-	19.690.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	126.429.237.491	(*)	-	126.429.237.491	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)
▪ Công ty TNHH Đầu tư Sabeco HP	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Đồng Nai	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)
	785.951.682.407		(335.225.512.322)	785.951.682.407		(335.711.026.322)

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	785.951.682.407	808.576.870.344
Giảm thông qua cân trừ với khoản phải trả khác	-	(15.350.000.000)
Xóa sổ trong năm	-	(7.275.187.937)
Số dư cuối năm	<u>785.951.682.407</u>	<u>785.951.682.407</u>

(iv) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	564.316.444.165	531.952.510.085
Dự phòng trích lập trong năm	33.210.289.000	113.463.822.029
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(4.581.020.469)	(73.824.700.012)
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(7.275.187.937)
Số dư cuối năm	<u>592.945.712.696</u>	<u>564.316.444.165</u>

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	114.529.145.357	110.147.479.750
Các khách hàng khác	47.366.323.131	168.374.495.754
	<u>161.895.468.488</u>	<u>278.521.975.504</u>



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	114.529.145.357	110.147.479.750
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	3.738.188.000	15.758.874.428
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	2.880.160.877	5.436.154.202
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	2.660.790.712	6.819.807.138
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	1.291.756.400	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	863.324.000	13.120.538.774
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	479.627.918	5.453.717.282
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	308.213.400	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	-	13.838.537.106
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	-	2.081.860.783
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	-	1.996.436.033
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	7.623.484.602	7.636.502.161
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	2.749.411.545	10.112.131.104
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	2.641.429.652	8.273.322.123
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	1.839.786.330	6.307.906.113
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	1.616.896.549	25.177.567.972
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	1.269.459.419	9.474.647.771
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	863.360.275	7.622.147.366
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	-	5.464.742.048

9. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Phải thu do chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư và phần vốn góp trong công ty liên kết	277.230.733.543	277.230.733.543
Phải thu tiền lãi từ cho vay, tiền gửi ngân hàng và trái phiếu	319.447.001.355	303.797.011.694
Phải thu về cổ tức	185.039.172.636	195.943.020.644
Phải thu ngắn hạn khác	38.547.109.171	39.917.700.119
	820.264.016.705	816.888.466.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	136.733.197.701	139.368.231.654
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	4.872.313.865	2.298.800.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	3.189.653.852	7.974.218.490
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	187.009.159	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	125.225.449	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	76.235.614	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	69.277.691	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	68.296.475	-
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	46.274.375	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	37.157.564	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	29.700.000	29.700.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	9.454.420	9.225.945
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	-	4.744.400
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	277.230.733.543	277.230.733.543
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	33.730.321.507	33.660.770.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	1.736.949.650	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	126.355.136	-
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	89.004.219	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	84.012.578	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	77.396.511	4.500.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	46.091.080	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	23.436.016	-
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	-	8.141.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	-	83.916.000

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Phải thu Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	328.073.502.218	328.073.502.218
Ký quỹ, ký cược dài hạn	11.262.972.561	14.840.342.501
Phải thu dài hạn khác	8.018.865.000	8.028.765.000
	347.355.339.779	350.942.609.719

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Dự phòng phải thu khó đòi

(a) Ngắn hạn

	Số ngày quá hạn	31/12/2020			Số ngày quá hạn	1/1/2020		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Trên 2 năm	-	-	-	Trên 2 năm	194.071.317	(194.071.317)	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	Trên 2 năm	3.694.748.890	(3.694.748.890)	-	Trên 2 năm	5.732.607.752	(5.732.607.752)	-
Phải thu ngắn hạn khác	Trên 2 năm	320.160.761.240	(320.160.761.240)	-	Trên 2 năm	322.185.315.187	(322.185.315.187)	-
		<u>323.855.510.130</u>	<u>(323.855.510.130)</u>	-		<u>328.111.994.256</u>	<u>(328.111.994.256)</u>	-

(b) Dài hạn

	Số ngày quá hạn	31/12/2020			Số ngày quá hạn	1/1/2020		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	Trên 2 năm	20.868.879.905	(20.868.879.905)	-	Trên 2 năm	20.868.879.905	(20.868.879.905)	-
Phải thu về cho vay dài hạn	Trên 2 năm	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-	Trên 2 năm	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-
Phải thu dài hạn khác	Trên 2 năm	8.000.000.000	(8.000.000.000)	-	Trên 2 năm	8.065.430.900	(8.065.430.900)	-
		<u>32.868.879.905</u>	<u>(32.868.879.905)</u>	-		<u>32.934.310.805</u>	<u>(32.934.310.805)</u>	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi, ngắn hạn và dài hạn, trong năm như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	361.046.305.061	73.656.666.797
Dự phòng trích lập trong năm	-	287.389.638.264
Dự phòng sử dụng trong năm	(4.321.915.026)	-
	356.724.390.035	361.046.305.061

11. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	139.590.388.946	-	205.937.696.242	-
Nguyên vật liệu	145.901.566.441	(3.712.557.025)	189.126.200.142	(12.887.016.938)
Công cụ và dụng cụ	22.613.015.943	(20.178.831.502)	26.329.977.948	(21.319.180.051)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	75.300.152.747	-	86.779.620.474	-
Thành phẩm	23.315.898.116	-	37.535.346.836	-
Hàng hóa	64.100.213	-	2.432.152.780	-
	406.785.122.406	(23.891.388.527)	548.140.994.422	(34.206.196.989)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 23.891 triệu VND (1/1/2020: 34.206 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời, hoặc chậm luân chuyển khó tiêu thụ được.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	34.206.196.989	46.716.160.368
Dự phòng trích lập trong năm	1.464.051.133	9.098.355.845
Chuyển từ dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	-	4.799.053
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(2.066.068.235)	(5.012.594.487)
Dự phòng sử dụng trong năm	(9.712.791.360)	(16.600.523.790)
Số dư cuối năm	23.891.388.527	34.206.196.989

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	42.614.163.861	(27.885.194.853)	41.360.707.025	(22.186.454.366)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	22.186.454.366	13.275.686.044
Dự phòng trích lập trong năm	8.436.465.870	11.490.941.106
Chuyển sang dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(4.799.053)
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(2.737.725.383)	(2.575.373.731)
Số dư cuối năm	27.885.194.853	22.186.454.366

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Chi phí bảng hiệu quảng cáo	78.975.900.457	56.306.151.145
Công cụ và dụng cụ	14.052.458.340	9.321.970.500
Chi phí trả trước khác	9.480.804.160	1.129.093.961
	102.509.162.957	66.757.215.606
	102.509.162.957	66.757.215.606

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Tài sản chờ góp vốn đầu tư (*)	Bao bì luân chuyển	Công cụ và dụng cụ	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	51.602.316.000	17.835.289.634	11.953.450.939	81.391.056.573
Tăng trong năm	-	23.443.704.260	5.739.748.332	29.183.452.592
Phân bổ trong năm	-	(19.062.192.508)	(7.028.298.659)	(26.090.491.167)
	51.602.316.000	22.216.801.386	10.664.900.612	84.484.017.998
	51.602.316.000	22.216.801.386	10.664.900.612	84.484.017.998

(*) Tài sản chờ góp vốn đầu tư phản ánh giá trị quyền sử dụng đất chờ bàn giao (Thuyết minh 21(b)).



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	582.647.546.474	2.668.371.567.310	58.311.705.935	103.470.211.842	3.412.801.031.561
Tăng trong năm	-	3.526.820.018	-	11.841.974.990	15.368.795.008
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	26.689.522.935	205.119.752.021	-	-	231.809.274.956
Thanh lý	-	(2.630.002.611)	(488.787.154)	-	(3.118.789.765)
Xóa sổ	-	-	-	(137.984.004)	(137.984.004)
Số dư cuối năm	609.337.069.409	2.874.388.136.738	57.822.918.781	115.174.202.828	3.656.722.327.756
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	413.346.672.128	2.328.014.058.997	47.798.319.110	79.456.541.925	2.868.615.592.160
Khấu hao trong năm	23.004.938.270	104.725.196.084	3.430.941.865	10.792.835.134	141.953.911.353
Thanh lý	-	(2.630.002.611)	(488.787.154)	-	(3.118.789.765)
Xóa sổ	-	-	-	(137.984.004)	(137.984.004)
Số dư cuối năm	436.351.610.398	2.430.109.252.470	50.740.473.821	90.111.393.055	3.007.312.729.744
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	169.300.874.346	340.357.508.313	10.513.386.825	24.013.669.917	544.185.439.401
Số dư cuối năm	172.985.459.011	444.278.884.268	7.082.444.960	25.062.809.773	649.409.598.012



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 2.154.623 triệu VND (1/1/2020: 1.675.397 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 59.127 triệu VND (1/1/2020: 55.818 triệu VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình Tổng Công ty cho các công ty con và công ty liên kết thuê có thu phí là 86.394 triệu VND (1/1/2020: 86.394 triệu VND).

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	929.359.796.577	63.411.807.247	992.771.603.824
Tăng trong năm	-	1.032.676.800	1.032.676.800
Số dư cuối năm	929.359.796.577	64.444.484.047	993.804.280.624
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	61.373.443.056	62.368.582.067	123.742.025.123
Khấu hao trong năm	4.623.371.664	963.063.676	5.586.435.340
Số dư cuối năm	65.996.814.720	63.331.645.743	129.328.460.463
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	867.986.353.521	1.043.225.180	869.029.578.701
Số dư cuối năm	863.362.981.857	1.112.838.304	864.475.820.161

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 62.221 triệu VND (1/1/2020: 60.512 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

- (*) Trong quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các quyền sử dụng đất với giá trị là 735.380 triệu VND được Tổng Công ty ghi nhận theo giá tạm tính tăng thêm vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa của Tổng Công ty do Ban Quyết toán cổ phần hóa gồm các đại diện từ Bộ Công thương và Bộ Tài chính thực hiện tại ngày 30 tháng 4 năm 2008 lập vào ngày 6 tháng 3 năm 2010. Tổng Công ty đã ghi nhận tăng giá trị quyền sử dụng đất này vào tài khoản “Tài sản cố định vô hình”, đồng thời ghi tăng tương ứng một khoản phải trả Nhà nước trên tài khoản “Phải trả ngắn hạn khác” (Thuyết minh 21(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các khu đất này đã được Bộ Công thương giao cho Tổng Công ty quản lý và sử dụng theo quy hoạch của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để lập hợp đồng thuê đất. Hiện tại, Tổng Công ty đang sử dụng các khu đất này cho mục đích sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Quyền sử dụng đất cho các khu đất này chỉ có tính tạm thời, Tổng Công ty không được tự ý chuyển đổi, chuyên nhượng, cho thuê lại, hay thế chấp các quyền sử dụng đất này.

Chi tiết giá trị quyền sử dụng đất theo giá trị tạm tính được xác định tại ngày 6 tháng 3 năm 2010 như sau:

STT	Địa chỉ	Diện tích m²	Giá trị định giá khi xác định giá trị doanh nghiệp VND
1	46 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.872,5	55.241.212.500
2	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	17.406,1	418.634.111.100
3	474 Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	7.729,0	247.637.160.000
4	18/3B Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.216,3	13.867.389.100
			<hr/> 735.379.872.700 <hr/>

Tổng Công ty chưa trích khấu hao giá trị của các quyền sử dụng đất này do thời gian sử dụng chưa được xác định một cách đáng tin cậy tại ngày lập báo cáo tài chính. Trong năm, Tổng Công ty cũng đã hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng chi phí thuê đất và thuế đất với số tiền là 43.276 triệu VND (2019: 26.967 triệu VND) theo thông báo nộp thuế sử dụng đất của các chi cục thuế địa phương.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	7.859.289.977
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	4.289.684.845
Khấu hao trong năm	391.333.944
Số dư cuối năm	4.681.018.789
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	3.569.605.132
Số dư cuối năm	3.178.271.188

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	183.331.947.357	101.997.344.337
Tăng trong năm	59.730.112.646	94.833.178.785
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(231.809.274.956)	(7.749.817.228)
Xóa sổ	-	(5.748.758.537)
Số dư cuối năm	11.252.785.047	183.331.947.357



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Cải tạo nhà xưởng, đầu tư thiết bị nấu tại nhà máy bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh	367.954.146	88.942.805.924
Hệ thống lọc bia	-	78.259.723.681
Các công trình khác	10.884.830.901	16.129.417.752
	11.252.785.047	183.331.947.357

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2020	1/1/2020
		VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:			
▪ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20%	60.205.695.176	63.175.917.370
▪ Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	20%	32.423.898.208	53.314.539.688
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	20%	10.355.316.676	11.278.530.270
▪ Dự phòng phải thu khó đòi	20%	2.304.311.665	4.336.092.611
		105.289.221.725	132.105.079.939



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	210.405.537.315	226.245.964.160
Công ty Cổ phần Hanacans	139.054.822.046	254.780.485.076
Các nhà cung cấp khác	2.125.410.532.726	2.541.275.034.473
	2.474.870.892.087	3.022.301.483.709

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	146.522.349.367	105.687.151.380
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	137.636.197.021	129.950.035.850
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	111.749.766.641	88.288.744.524
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	101.663.164.343	63.098.950.611
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	101.538.471.141	98.889.546.649
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	80.121.569.154	43.179.760.397
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	63.379.993.941	43.898.391.736
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	55.549.402.077	51.600.146.861
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	55.257.345.458	52.125.690.926
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	41.737.255.474	38.472.061.058
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	27.088.991.479	27.728.275.300
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	25.415.899.983	49.937.561.300
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	23.575.609.200	23.581.439.310
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	22.927.468.916	37.502.899.391
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	20.632.774.536	38.383.956.600
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	13.340.109.200	5.958.296.542
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	11.216.489.350	6.883.324.360
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	10.343.309.664	11.067.146.696
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	8.206.970.201	23.160.534.650
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	3.793.714.100	8.659.671.680
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	2.139.835.500	845.928.600
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	656.340.216	13.493.271.489
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	-	23.887.582

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan (tiếp theo)

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	210.405.537.315	226.245.964.160
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	44.976.587.953	52.036.671.280
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	19.812.398.470	63.993.357.149
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	18.108.761.000	5.565.963.898
Công ty TNHH Bao Bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	12.707.200.000	15.413.376.691
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	11.483.668.900	24.851.400.970
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	9.454.426.850	18.409.920.276
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	6.011.317.950	8.441.778.004
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	4.825.865.000	21.125.716.480
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	3.218.569.970	27.107.766.113
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	2.149.649.700	4.688.242.020
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	319.000.000	-
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam	96.756.522.384	52.601.015.251

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	Phân loại sang thuế phải thu VND	31/12/2020 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	84.267.946.864	2.686.364.015.960	(2.539.602.883.069)	-	-	231.029.079.755
Thuế thu nhập doanh nghiệp	114.793.834.711	577.119.284.322	(516.357.059.917)	-	-	175.556.059.116
Thuế giá trị gia tăng	-	4.189.066.079.898	(666.864.498.571)	(3.522.201.581.327)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	14.701.660.292	39.251.647.783	(41.930.982.034)	-	-	12.022.326.041
Thuế xuất nhập khẩu	-	12.985.410.861	(12.985.410.861)	-	-	-
Thuế đất và tiền thuê đất	1.581.049.815	43.298.098.242	(73.381.542.726)	-	30.083.444.484	1.581.049.815
Thuế tài nguyên	50.797.120	532.540.160	(539.609.280)	-	-	43.728.000
Các loại thuế khác	1.171.530.000	2.621.254.288	(2.616.801.564)	(212.724)	-	1.175.770.000
	216.566.818.802	7.551.238.331.514	(3.854.278.788.022)	(3.522.201.794.051)	30.083.444.484	421.408.012.727

Trong năm 2018, Tổng Công ty nhận được thông báo từ cơ quan thuế yêu cầu nộp tiền phạt thuế và lãi chậm nộp trên số thuế tiêu thụ đặc biệt phát sinh trong giai đoạn từ 2007 đến 2015 mà Tổng Công ty đã nộp trước đó. Trong tháng 4 năm 2020, Công ty đã nhận được phản hồi chính thức từ các cơ quan chức năng xác nhận rằng vấn đề trên đã được giải quyết.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số đã căn trừ trong năm VND	Phân loại từ thuế phải trả VND	31/12/2020 VND
Tiền thuê đất	-	-	30.083.444.484	30.083.444.484
Các loại thuế khác	212.724	(212.724)	-	-
	212.724	(212.724)	30.083.444.484	30.083.444.484

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	53.839.652.246	163.862.790.839
Chi phí phải trả khác	9.738.535.864	15.548.917.378
	63.578.188.110	179.411.708.217

21. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (*)	735.379.872.700	735.379.872.700
Quỹ khen thưởng, phúc lợi phải trả cho các công ty con	42.236.388.197	42.274.455.947
Cổ tức phải trả	6.712.395.925	6.699.470.600
Phải trả ngắn hạn khác	37.292.075.146	95.528.971.000
	821.620.731.968	879.882.770.247

(*) Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được ghi nhận theo Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa do Ban Quyết toán cổ phần hóa, đại diện của Bộ Công thương và Bộ Tài chính, lập ngày 6 tháng 3 năm 2010 (Thuyết minh 14).



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	25.517.600.272	25.555.668.022
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	10.061.217.212	8.995.213.962
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	8.988.336.717	8.988.336.717
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	1.522.160.540	1.522.160.540
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	739.328.874	739.328.874
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	437.717.745	437.717.745
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	195.775.466	163.171.380
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	106.561.973	106.561.973
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	82.229.450	82.229.450
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	52.063.478	52.063.478
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	12.932.851	12.932.851
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	287.780.949	287.780.949
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	10.937.943	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	340.000	-
Các bên liên quan khác		
Super Brands Company Pte. Ltd.	2.464.069.317	6.246.344.005
Thai Beverage Public Company Limited	1.878.375.715	-
Chang International Co., Ltd.	667.563.948	-
Fraser and Neave, Limited	481.446.018	2.425.671.710
Fraser & Neave (Singapore) Pte. Limited	2.000.000	874.455.121

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước (Thuyết minh 12(b))	51.602.316.000	51.602.316.000



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Tổng Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	99.423.121.910	73.705.919.202
Trích lập trong năm (Thuyết minh 24)	49.553.000.000	96.217.582.274
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	(20.704.495.849)	9.856.905.653
Điều chuyển về các công ty con	-	(14.663.971.484)
Sử dụng trong năm	(72.445.122.619)	(65.693.313.735)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	55.826.503.442	99.423.121.910
	<hr/>	<hr/>

23. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	92.606.211.882	99.246.846.000
Dự phòng trích lập trong năm	1.098.607.336	2.128.935.310
Dự phòng sử dụng trong năm	(11.381.631.495)	(8.769.569.428)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	82.323.187.723	92.606.211.882
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	6.412.811.860.000	760.819.802.040	5.932.879.551.458	13.106.511.213.498
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	4.548.201.400.131	4.548.201.400.131
Cổ tức	-	-	(961.921.779.000)	(961.921.779.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	(96.217.582.274)	(96.217.582.274)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	(9.856.905.653)	(9.856.905.653)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(40.464.926.089)	(40.464.926.089)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	(2.345.360.450)	(2.345.360.450)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	6.412.811.860.000	760.819.802.040	9.370.274.398.123	16.543.906.060.163
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	4.601.706.892.979	4.601.706.892.979
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	(3.527.046.523.000)	(3.527.046.523.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	(49.553.000.000)	(49.553.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	20.704.495.849	20.704.495.849
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	40.464.926.089	40.464.926.089
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	6.412.811.860.000	760.819.802.040	10.456.551.190.040	17.630.182.852.080

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	641.281.186	6.412.811.860.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	641.281.186	6.412.811.860.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

27. Cổ tức

Nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty ngày 21 tháng 1 năm 2020 đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 2.244.484 triệu VND (tương đương 3.500 VND/cổ phiếu) (2019: Nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty ngày 21 tháng 8 năm 2019 đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 961.922 triệu VND, tương đương 1.500 VND/cổ phiếu).

Nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty ngày 13 tháng 11 năm 2020 đã quyết định ứng trước cổ tức cho các cổ đông là 1.282.563 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) (2019: Không).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng một năm	36.500.027.039	32.435.502.929
Từ hai đến năm năm	33.682.123.018	9.320.157.892
Sau năm năm	52.071.422.739	55.008.627.615
	122.253.572.796	96.764.288.436

(b) Hàng hóa nhận giữ hộ các bên khác

	Đơn vị	31/12/2020	1/1/2020
Kết nhựa	cái	47.195	78.075
Pallet	cái	16.694	-
Nắp	cái	-	5.000.000
Vỏ chai	cái	-	3.421.939
Nhãn	bộ	-	3.073.600
Thùng	cái	-	13.645
		-	13.645

(c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	300	6.895.260	410.276	9.479.842.801
EUR	3.386	94.914.019	4.723	121.650.281
		101.809.279		9.601.493.082



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	12.964.971.499	40.867.654.179

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2020 VND	2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng hóa	21.782.573.666.498	27.588.768.566.976
▪ Doanh thu bán nguyên vật liệu	5.732.823.592.466	7.927.956.467.680
▪ Doanh thu bán thành phẩm	3.731.219.784.485	4.267.772.156.873
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	6.417.583.800.445	7.312.350.035.378
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(2.686.364.015.960)	(3.044.577.878.505)
▪ Doanh thu khác	39.839.928.246	45.867.886.506
	31.286.456.971.695	39.830.365.078.035
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	3.562.953.416	1.829.235.021
Doanh thu thuần	31.282.894.018.279	39.828.535.843.014



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2020	2019
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	18.606.748.229.453	24.415.717.542.110
Giá vốn nguyên vật liệu đã bán	5.723.566.545.758	7.922.752.672.605
Giá vốn thành phẩm đã bán	2.173.178.116.031	2.684.765.403.581
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	5.096.723.385	13.001.328.733
Giá vốn khác	3.716.082.837	7.634.066.613
	26.512.305.697.464	35.043.871.013.642

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020	2019
	VND	VND
Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia	2.304.869.095.222	2.156.469.572.497
Thu nhập lãi tiền gửi	850.804.173.435	789.226.349.766
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	41.563.062.738	24.526.489.312
	3.197.236.331.395	2.970.222.411.575

32. Chi phí tài chính

	2020	2019
	VND	VND
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	28.629.268.531	39.639.122.017
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.626.621.856	1.467.253.959
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.678.826.072	1.032.184.727
	42.934.716.459	42.138.560.703

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí bán hàng

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng	1.338.408.238.755	977.641.770.634
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	986.954.939.652	860.560.900.646
Chi phí nhân viên	35.500.841.030	26.659.144.423
Chi phí bán hàng khác	27.631.233.908	10.735.950.019
	2.388.495.253.345	1.875.597.765.722

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	173.633.638.720	154.294.628.728
Chi phí thuê	50.940.182.968	29.572.252.209
Chi phí khấu hao và phân bổ	14.916.262.752	14.694.676.367
Các khoản dự phòng	1.098.607.336	289.518.573.574
Chi phí quản lý khác	91.263.120.298	106.749.958.108
	331.851.812.074	594.830.088.986

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.719.733.003.292	2.025.257.872.565
Chi phí nhân công và nhân viên	307.823.649.102	423.374.964.837
Chi phí khấu hao và phân bổ	137.243.805.705	235.200.671.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.441.708.768.756	2.259.079.798.514
Chi phí khác	265.570.511.527	320.132.762.643

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	577.119.284.322	688.292.216.750
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	29.011.001.108
	577.119.284.322	717.303.217.858
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	26.815.858.214	(30.810.575.160)
	603.935.142.536	686.492.642.698

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.205.642.035.515	5.234.694.042.829
	1.041.128.407.103	1.046.938.808.566
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	(460.981.432.594)	(431.293.914.499)
Thu nhập không bị tính thuế	2.511.189.364	72.544.186.508
Chi phí không được khấu trừ thuế	21.276.978.663	(30.707.438.985)
Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	-	29.011.001.108
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	-
	603.935.142.536	686.492.642.698

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty mẹ cấp trung gian		
BeerCo Limited		
Chi hộ Tổng Công ty	-	4.019.622.199
Công ty mẹ		
Công ty TNHH Vietnam Beverage		
Cổ tức đã trả	1.890.034.228.500	515.463.880.500
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây		
Bán nguyên vật liệu	98.843.619.596	136.206.021.503
Mua hàng hóa	510.618.999.380	697.635.872.340
Cổ tức đã nhận	36.975.000.000	14.790.000.000
Giao dịch khác	389.750.000	2.793.096
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	1.176.778.266	2.404.314.777
Cổ tức đã nhận	4.209.200.000	-
Chi phí vận chuyển	-	11.411.312
Giao dịch khác	234.454.500	66.298.617
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi		
Bán nguyên vật liệu	600.639.601.217	602.764.035.874
Mua hàng hóa	1.855.159.201.260	1.838.548.089.630
Cổ tức đã nhận	44.925.000.000	65.890.000.000
Giao dịch khác	304.849.575	-
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	1.071.657.851	308.000.000
Cổ tức đã nhận	6.422.834.000	6.422.834.000
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân		
Bán nguyên vật liệu	121.283.243.007	144.608.861.827
Mua hàng hóa	357.846.383.300	391.882.036.880
Cổ tức đã nhận	4.611.150.000	4.611.150.000
Giao dịch khác	412.323.474	409.415.100



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020	2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh		
Bán nguyên vật liệu	32.059.356.508	44.738.149.591
Mua hàng hóa	169.550.693.850	224.273.079.860
Cổ tức đã nhận	4.827.480.000	2.298.800.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam		
Bán nguyên vật liệu	425.787.238.848	595.758.876.778
Mua hàng hóa	1.408.261.885.870	1.882.376.750.011
Cổ tức đã nhận	40.235.000.000	18.570.000.000
Giao dịch khác	276.320.064	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội		
Bán nguyên vật liệu	305.161.583.445	420.782.780.984
Mua hàng hóa	1.057.477.212.270	1.453.801.961.420
Cổ tức đã nhận	9.380.000.000	37.520.000.000
Giao dịch khác	87.032.559	-
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Bán hàng hóa và thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	25.428.475.688.638	31.705.673.997.865
Mua hàng hóa	45.426.136.520	34.038.367.560
Chi phí vận chuyển	1.251.034.457	2.216.638.364
Chi phí thuê pallet	3.350.833.736	1.389.803.103
Chi phí sử dụng vỏ chai	11.023.393.450	18.502.067.614
Lợi nhuận được chia	1.117.950.228.190	911.528.095.361
Giao dịch khác	357.237.400	324.523.811
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	163.783.210.037	149.377.292.300
Chi phí vật phẩm quảng cáo	11.377.770.822	30.010.960.534
Mua hàng hóa	1.404.229.080	756.733.520
Cổ tức đã nhận	66.314.800.191	30.610.800.000
Giao dịch khác	1.116.715.250	24.390.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	78.856.285.101	62.293.053.842
Chi phí vật phẩm quảng cáo	13.037.991.098	11.929.551.827
Mua hàng hóa	-	173.353.790
Cổ tức đã nhận	32.320.967.347	25.164.554.554
Giao dịch khác	478.258.515	29.653.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	257.815.603.531	171.037.338.908
Chi phí vật phẩm quảng cáo	19.995.814.938	24.697.608.328
Mua hàng hóa	4.065.555.370	3.905.257.920
Cổ tức đã nhận	57.023.125.628	34.660.075.318
Giao dịch khác	3.327.105.665	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	64.928.107.742	47.709.387.602
Chi phí vật phẩm quảng cáo	8.796.750.765	9.536.258.068
Mua hàng hóa	-	643.853.170
Cổ tức đã nhận	32.428.526.528	58.254.776.313
Giao dịch khác	47.741.020	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	97.463.990.642	58.557.901.713
Chi phí vật phẩm quảng cáo	16.490.646.909	18.553.823.238
Mua hàng hóa	40.728.000	306.182.890
Cổ tức đã nhận	106.506.368.746	119.771.034.792
Giao dịch khác	217.794.790	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	116.223.918.654	58.382.390.592
Chi phí vật phẩm quảng cáo	10.964.617.928	24.834.866.697
Mua hàng hóa	10.122.850	481.252.750
Cổ tức đã nhận	153.071.683.967	156.683.913.598
Giao dịch khác	142.072.141	396.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	174.369.556.699	128.052.841.707
Chi phí vật phẩm quảng cáo	15.794.009.869	23.401.726.358
Mua hàng hóa	-	544.660.400
Cổ tức đã nhận	145.117.890.000	133.899.300.000
Giao dịch khác	3.805.991.549	15.012.867
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	161.944.254.920	107.978.790.221
Chi phí vật phẩm quảng cáo	14.918.180.662	14.755.570.021
Mua hàng hóa	121.365.000	414.359.200
Cổ tức đã nhận	125.136.000.000	74.520.000.000
Giao dịch khác	4.382.315.660	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	177.914.770.427	115.715.540.797
Chi phí vật phẩm quảng cáo	16.808.177.232	20.965.605.212
Mua hàng hóa	-	364.031.820
Cổ tức đã nhận	138.438.657.527	112.529.277.566
Giao dịch khác	4.794.622.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ bảo trì	43.429.067.223	43.135.709.500
Mua công cụ và dụng cụ	24.820.034.876	12.075.849.030
Lợi nhuận được chia	1.646.769.072	549.403.910
Giao dịch khác	197.729.562	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng		
Bán nguyên vật liệu	323.309.492.080	416.943.808.180
Mua hàng hóa	1.034.198.700.180	1.220.031.020.090
Giao dịch khác	151.342.413	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	64.252.450.718	72.376.129.327
Chi phí vật phẩm quảng cáo	7.200.002.689	17.442.283.693
Mua hàng hóa	1.137.175.470	946.962.360
Cổ tức đã nhận	35.229.600.000	12.960.000.000
Giao dịch khác	99.319.423	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Bán nguyên vật liệu	342.410.313.920	424.564.410.596
Mua hàng hóa	1.011.332.322.230	1.164.337.041.280
Lợi nhuận được chia	44.059.470.211	59.662.025.022
Giao dịch khác	1.759.382.910	1.554.115.788
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	190.737.069.900	171.526.018.300
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng		
Bán nguyên vật liệu	527.432.920.438	277.780.155.663
Mua hàng hóa	1.575.824.197.389	652.429.301.300
Mua cổ phiếu	-	85.825.000.000
Cổ tức đã nhận	10.582.500.000	-
Giao dịch khác	246.386.001	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020	2019
	VND	VND
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa		
Bán nguyên vật liệu	198.229.625.157	352.635.879.929
Mua hàng hóa	598.370.505.371	996.093.158.503
Cổ tức đã nhận	2.600.000.000	3.900.000.000
Giao dịch khác	126.594.924	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang		
Bán nguyên vật liệu	258.282.249.072	460.060.128.263
Mua hàng hóa	873.364.790.811	1.533.445.164.889
Cổ tức đã nhận	2.300.000.000	4.600.000.000
Giao dịch khác	159.188.438	291.406.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung		
Bán nguyên vật liệu	375.719.026.397	654.379.388.988
Mua hàng hóa	1.334.434.282.900	2.075.015.152.960
Cổ tức đã nhận	33.660.770.500	52.895.496.500
Thu nhập khác	1.002.381.006	39.564.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ		
Bán nguyên vật liệu	191.487.119.188	370.842.387.187
Mua hàng hóa	558.439.035.140	1.010.778.351.359
Cổ tức đã nhận	5.068.125.000	11.825.625.000
Giao dịch khác	33.862.500	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long		
Bán nguyên vật liệu	265.850.925.976	424.537.200.953
Mua hàng hóa	883.874.058.330	1.362.256.018.286
Cổ tức đã nhận	1.500.000.000	12.000.000.000
Thu nhập khác	3.336.733.401	3.315.683.196
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre		
Bán nguyên vật liệu	289.567.457.721	401.679.240.852
Mua hàng hóa	954.417.674.260	1.284.772.043.460
Cổ tức đã nhận	4.000.000.000	-
Giao dịch khác	122.708.799	458.041.500
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Bán nguyên vật liệu	508.013.989.428	708.773.863.110
Mua hàng hóa	1.554.948.614.460	2.147.536.544.211
Cổ tức đã nhận	-	14.372.300.000
Giao dịch khác	284.413.500	785.830.500

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	1.480.824.167.901	1.748.166.273.974
Cổ tức đã nhận	-	127.608.707.612
Giao dịch khác	3.616.558.447	51.993.600
Công ty TNHH Bao Bì San Miguel Yamamura Phú Thọ		
Mua vật liệu bao bì	97.264.139.000	137.151.811.628
Cổ tức đã nhận	-	8.141.000.000
Giao dịch khác	236.645.638	-
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh		
Cổ tức đã nhận	29.987.776.415	29.213.424.951
Mua dịch vụ	2.942.120.109	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương Thực Thực phẩm Trường Sa		
Mua nguyên vật liệu	-	2.527.349.800
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô		
Bán nguyên vật liệu	190.011.217.311	351.313.660.552
Mua hàng hóa	651.148.543.820	1.054.689.760.320
Cổ tức đã nhận	5.763.000.000	3.745.950.000
Giao dịch khác	658.710.380	332.426.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu		
Bán nguyên vật liệu	71.071.294.360	100.778.164.589
Mua hàng hóa	385.601.361.910	537.924.332.884
Giao dịch khác	32.791.500	-
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam		
Mua vật liệu bao bì	792.337.645.142	475.900.079.788
Giao dịch khác	2.927.960	-
Best Spirits Company Limited		
Bán hàng hóa và thành phẩm	-	228.111.930
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)		
Mua hàng hóa	1.205.178.312	1.174.540.305
Super Brands Company Pte. Ltd.		
Chi hộ Tổng Công ty	5.386.560.273	6.246.344.005
Fraser and Neave, Limited		
Chi hộ Tổng Công ty	4.819.317.407	2.425.671.710

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Fraser & Neave (Singapore) Pte. Limited		
Chi hệ Tổng Công ty	2.000.000	874.455.121
InterBev (Singapore) Limited		
Chi hệ Tổng Công ty	214.472.290	-
Bán hàng hóa	708.326.810	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và thù lao	35.250.751.200	27.345.596.469

38. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2020 VND	2019 VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	5.108.771.458	25.211.907.303

39. Sự kiện sau ngày trên Bảng cân đối kế toán

Cổ tức công bố sau khi kết thúc kỳ kế toán năm

Sau khi kết thúc kỳ kế toán năm, Tổng Công ty đã công bố khoản cổ tức cho các cổ đông là 961.922 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) theo Nghị quyết ngày 26 tháng 1 năm 2021. Số cổ tức phải trả chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính riêng này.

40. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán

Người duyệt:



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Teo Hong Keng
Phó Tổng Giám đốc



Neo Ginn Siang Bennett
Tổng Giám đốc



